

# Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 2 năm 2016

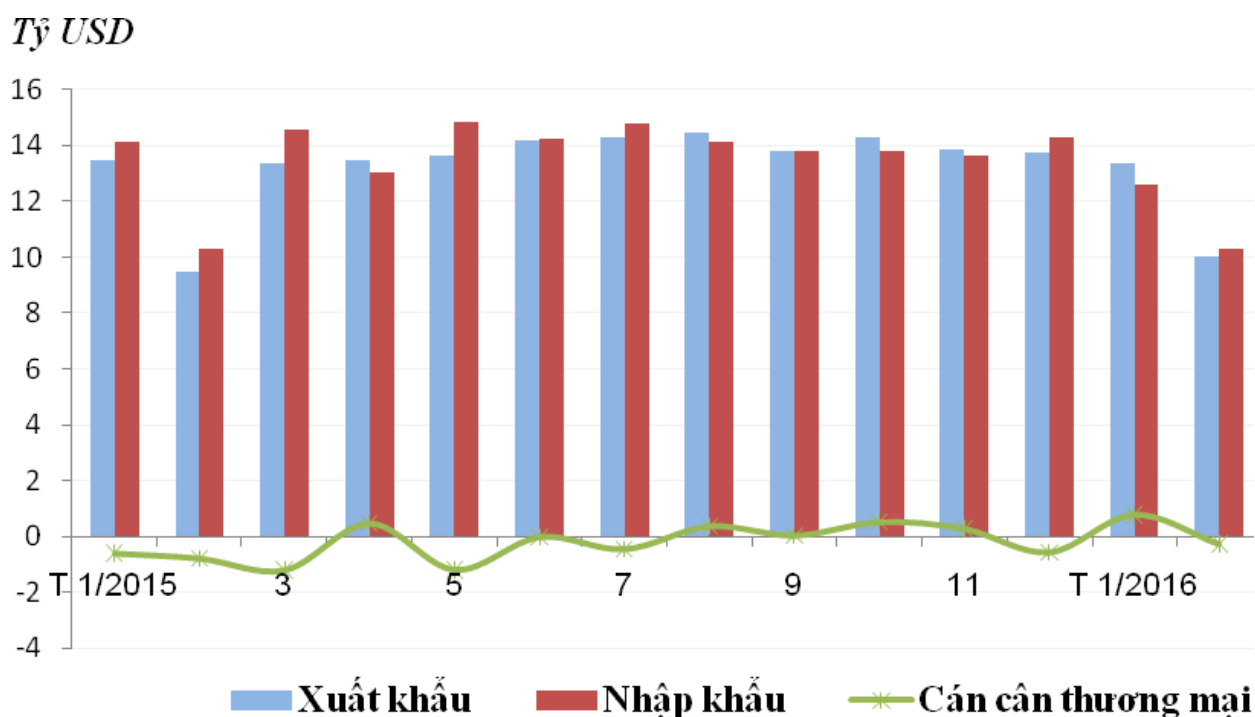
## 1. Đánh giá chung

Theo số liệu thống kê sơ bộ phổ biến ngày 14/03/2016 của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước trong tháng 02/2016 đạt 20,39 tỷ USD, giảm 21,5% so với tháng trước do nghỉ Tết Âm lịch năm 2016 kéo dài. Trong đó, tổng trị giá xuất khẩu là 10,1 tỷ USD, giảm 24,4% và tổng trị giá nhập khẩu là gần 10,3 tỷ USD, giảm 18,3% so với tháng 1/2016. Xét về số tuyệt đối, tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước giảm tới 5,57 tỷ USD so với tháng trước, trong đó xuất khẩu giảm 3,26 tỷ USD và nhập khẩu giảm tới 2,3 tỷ USD.

Cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam trong tháng 2 có mức thâm hụt 191 triệu USD, qua đó thu hẹp mức thặng dư thương mại trong 2 tháng đầu năm 2016 còn 676 triệu USD.

Trong 2 tháng đầu năm 2016, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam sơ bộ đạt 46,69 tỷ USD, giảm 1,5% so với cùng kỳ năm 2015, trong đó trị giá xuất khẩu là 23,68 tỷ USD, tăng 3% và trị giá nhập khẩu là 23,01 tỷ USD, giảm 5,7%.

**Biểu đồ 1: Diễn biến trị giá xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại hàng hoá của Việt Nam theo tháng từ tháng 1/2015 đến tháng 2/2016**



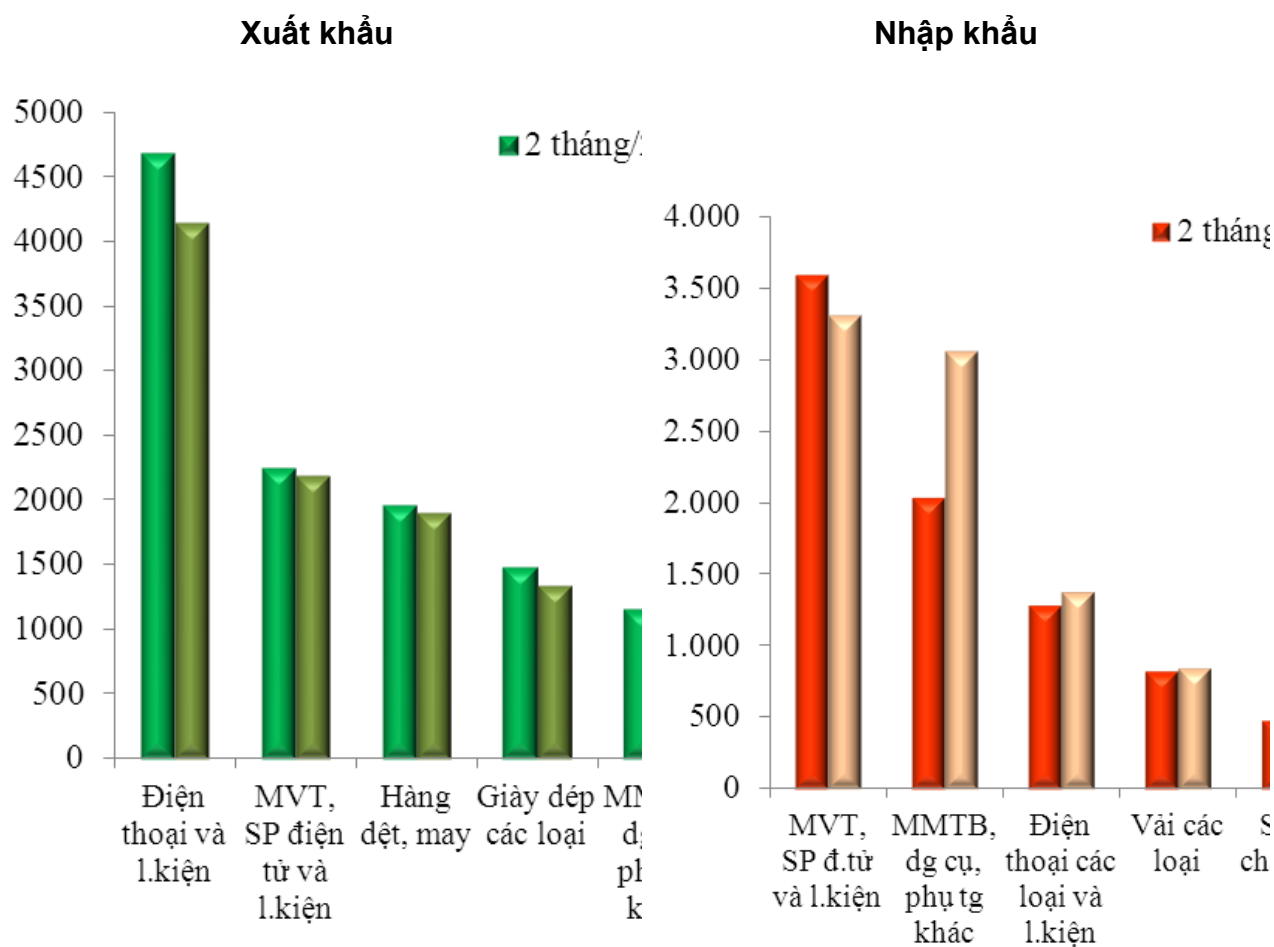
Nguồn: Tổng cục Hải quan

## 2. Xuất nhập khẩu theo loại hình doanh nghiệp

Xét theo khối doanh nghiệp, xuất khẩu của khối các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong 2 tháng đầu năm 2016 vẫn tăng khá so với cùng thời gian năm 2015 (tăng 7,2%, đạt kim ngạch gần 16,6 tỷ USD). Trong khi đó, xuất khẩu của khối các doanh nghiệp có vốn hoàn toàn trong nước (doanh nghiệp trong nước) lại giảm tới 5,7%, chỉ đạt kim ngạch gần 7,09 tỷ USD.

Nhập khẩu của khối các doanh nghiệp FDI giảm sâu hơn so với khối các doanh nghiệp trong nước. Cụ thể kim ngạch nhập khẩu của các doanh nghiệp FDI trong 2 tháng/2016 là 13,77 tỷ USD, giảm 6,4% và khối các doanh nghiệp trong nước là 9,24 tỷ USD, giảm 4,6% so với cùng kỳ năm 2015.

**Biểu đồ 2: 10 nhóm hàng xuất khẩu, nhập khẩu lớn nhất tháng 2/2016 so với cùng kỳ năm 2015**



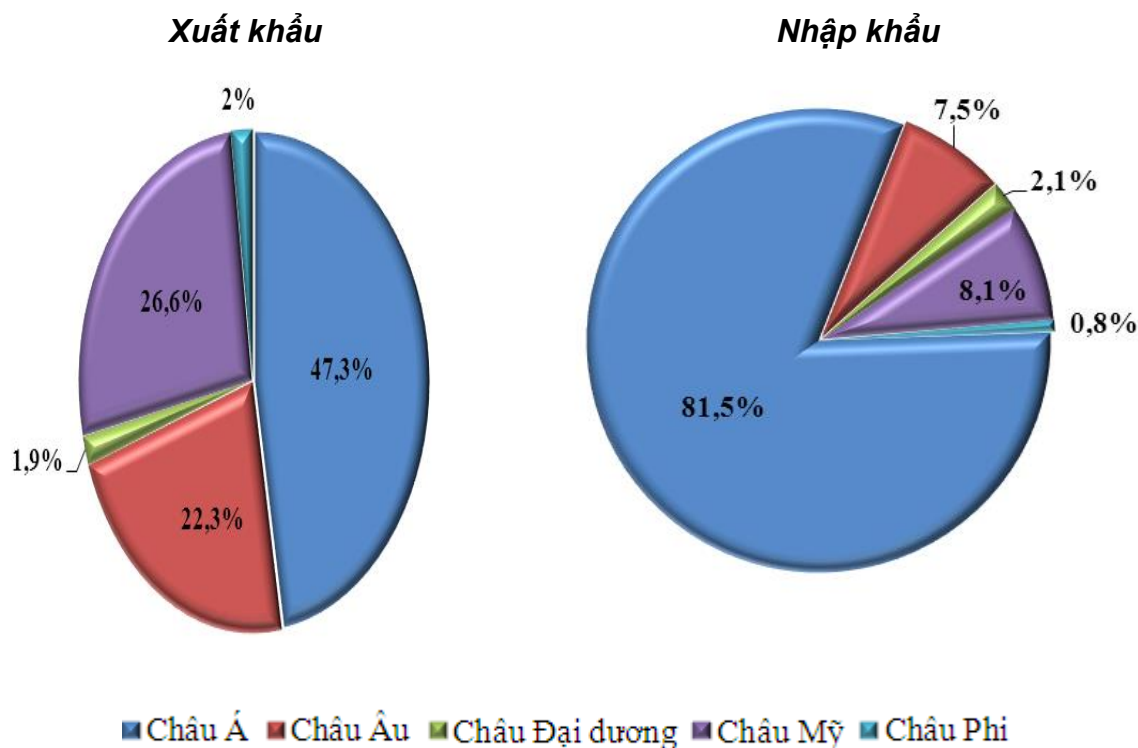
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

### 3. Thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa

Tổng trị giá trao đổi hàng hóa của Việt Nam với đối tác thương mại ở châu Á trong 2 tháng đầu năm 2016 đạt 29,96 tỷ USD, giảm 4,5% so với cùng kỳ năm 2015 vẫn là châu lục chiếm tỷ trọng cao nhất (64,2%) trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước.

Tiếp theo là xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với các nước châu Mỹ với kim ngạch 8,17 tỷ USD, tăng 9,7% so với cùng thời gian năm trước và chiếm 17,5% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước. Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với châu Âu đạt 7 tỷ USD, giảm nhẹ 0,5%; châu Phi là 641 triệu USD, giảm 10,2%; châu Đại Dương đạt 922 triệu USD, tăng 12,1%.

**Biểu đồ 3: Cơ cấu xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam với các châu lục trong tháng 02/2016**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

### 4. Các nhóm mặt hàng xuất khẩu chính

**4.1. Điện thoại các loại & linh kiện:** trong tháng 2/2016, xuất khẩu của mặt hàng này đạt 2,44 tỷ USD tăng 7,6 % so với tháng đầu năm 2016. Tính đến hết tháng 2/2016, nhập khẩu mặt hàng này của cả nước đạt 4,71 tỷ USD, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2015.

Những đối tác chính nhập khẩu điện thoại các loại & linh kiện của Việt Nam trong 2 tháng đầu năm là Liên minh châu Âu (EU) với 1,51 tỷ USD, tăng 10,8% và chiếm 32,1% tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước. Tiếp theo là: Tiểu Vương Quốc Ảrập thống nhất: 639 triệu USD, giảm 5,1%; Hoa Kỳ: 547 triệu USD, tăng 1,92 lần; Hàn Quốc là gần 295 triệu USD, tăng 5,86 lần ...so với cùng kỳ năm 2015.

**4.2. Hàng dệt may:** trong tháng 2, xuất khẩu đạt 1,23 tỷ USD, giảm 38,6% so với tháng trước, đưa kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này trong 2 tháng đầu năm đạt 3,28 tỷ USD, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm 2015.

Các thị trường chính nhập khẩu hàng dệt may của Việt Nam trong 2 tháng đầu năm là: Hoa Kỳ đạt 1,61 tỷ USD, tăng 4,2%; sang EU đạt gần 457 triệu USD, giảm nhẹ 1,3%; sang Nhật Bản đạt 408 triệu USD, giảm 0,2%; sang Hàn Quốc đạt gần 333 triệu USD, tăng 5,4%... so với 2 tháng/2015.

**4.3. Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện:** xuất khẩu trong tháng 2/2016 đạt 1,05 tỷ USD, giảm 16,4% so với tháng trước, đưa tổng trị giá xuất khẩu mặt hàng này trong 2 tháng đầu năm đạt 2,31 tỷ USD và tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước.

EU là tiếp tục là đối tác lớn nhất nhập khẩu nhóm hàng này của Việt Nam trong 2 tháng/2016 với 608 triệu USD, tăng 22,8%; tiếp theo là sang Trung Quốc đạt 338 triệu USD, tăng 4,8%; Hoa Kỳ đạt 329 triệu USD, giảm 12%; sang Hà Lan đạt hơn 283 triệu USD, tăng mạnh 90,7%... so với cùng kỳ năm trước.

**4.4. Giày dép các loại:** trong tháng 2 gần 642 triệu USD giảm 45,5% so với tháng trước, nâng trị giá xuất khẩu mặt hàng này trong 2 tháng đầu năm đạt 1,87 tỷ USD tăng 6,9% so với cùng kỳ năm 2015.

Trong 2 tháng/2016, xuất khẩu giày dép các loại sang Hoa Kỳ đạt gần 603 triệu USD tăng 8,9%; sang EU đạt 628 triệu USD tăng 5,6%; sang Nhật Bản đạt 136 triệu USD, tăng 22,6%... so với cùng kỳ năm 2015.

**4.5. Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng:** trong tháng 2/2016, xuất khẩu đạt hơn 560 triệu USD, giảm 23% so với tháng trước, qua đó nâng tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này trong 2 tháng đầu năm đạt 1,29 tỷ USD và tăng 15,2% so với cùng kỳ năm 2015.

Trong 2 tháng/2016, xuất khẩu nhóm hàng này sang Hoa Kỳ đạt hơn 294 triệu USD, tăng 46,6%; sang Nhật Bản: 219 triệu USD, tăng 5,9%; sang Trung Quốc đạt 110 triệu USD, tăng 34,5% so với 2 tháng/2015.

**4.6. Hàng thủy sản:** kim ngạch xuất khẩu trong tháng đạt 328 triệu USD, giảm 40,6% so với tháng 1, đưa kim ngạch xuất khẩu trong 2 tháng/2016 đạt 880 triệu USD, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2015.

Xuất khẩu hàng thủy sản 2 tháng/2016 sang Hoa Kỳ đạt 190 triệu USD, tăng 22,5%; sang EU đạt 87,4 triệu USD, tăng 3,3%; sang Nhật Bản là 116,7 triệu USD, giảm nhẹ 1,3%; sang Trung Quốc đạt hơn 76 triệu, tăng 34,9%..., so với 2 tháng đầu năm 2015.

**4.7. Gỗ & sản phẩm gỗ:** xuất khẩu trong tháng đạt 325 triệu USD, giảm 46,3% so với tháng 1/2016, nâng kim ngạch xuất khẩu trong 2 tháng đầu năm cầu mặt hàng này đạt mức 943,6 triệu USD, giảm nhẹ 3,1% so với cùng kỳ năm 2015.

Trong 2 tháng/2016, nhóm hàng gỗ & sản phẩm gỗ xuất sang Hoa Kỳ đạt 370 triệu USD, tăng 6,7%; sang Nhật Bản đạt hơn 147 triệu USD tăng 0,7%; sang Trung Quốc đạt hơn 105 triệu USD giảm 30,1% so với cùng kỳ năm 2015.

**Bảng 1: Lượng và đơn giá xuất khẩu các mặt hàng nông sản 2 tháng/2016 so với cùng kỳ năm 2015**

STT	Tên hàng	2 tháng/2016			Tăng/giảm so với cùng kỳ 2015 (triệu USD)		
		Lượng (nghìn tấn)	Trị giá (triệu USD)	Đơn giá (USD/tấn)	Do lượng	Do giá	Tổng
1	Hàng rau quả	-	332	-	-	-	102
2	Hạt điều	35	266	7.530	2	14	16
3	Cà phê	297	508	1.711	134	-118	17
4	Chè	16	25	1.554	2	-2	-1
5	Hạt tiêu	20	178	8.879	-18	-7	-25
6	Gạo	963	417	433	221	-26	195
7	Sắn & SP từ sắn	693	183	264	-22	-36	-58
8	Cao su	146	164	1.120	19	-44	-25
	<b>Tổng cộng</b>				-	-	222

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**4.8. Gạo:** lượng gạo xuất khẩu của cả nước tháng 2/2016 đạt hơn 474,7 nghìn tấn với trị giá đạt hơn 200 triệu USD, giảm 2,8% về lượng và 7,5% về trị giá so với tháng 1/2016. Với kết quả đạt được trong tháng 2 đã đưa kim ngạch xuất khẩu gạo trong 2 tháng/2016 đạt hơn 963 nghìn tấn, với trị giá đạt hơn 417 triệu USD, tăng tương ứng 99,8% về lượng và 88,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2015.

Xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 2 tháng/2016 chủ yếu sang Ấn Độ với hơn 330 nghìn tấn tăng 21,21%, trị giá đạt 131 triệu USD tăng 19,5%; tiếp theo là Trung Quốc với 160,5 nghìn tấn; Philippin với hơn 134 nghìn tấn, ...cao hơn nhiều lần so với mức xuất khẩu cùng kỳ năm 2015.

**4.9. Cà phê:** lượng cà phê xuất khẩu trong tháng 2/ 2016 là 119 nghìn tấn, trị giá đạt gần 200 triệu USD, giảm 30,1% về lượng và giảm 32,3% về trị giá so với tháng 1/2016, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này trong 2 tháng/2016 đạt gần 297 nghìn tấn, tăng 27,3% và trị giá đạt 507,6 triệu USD tăng 3,4% so với 2 tháng/2015.

Trong 2 tháng đầu năm 2016, xuất khẩu cà phê sang EU là hơn 140 nghìn tấn, tăng 11,7%; sang Hoa Kỳ đạt 38,8 nghìn tấn, tăng 58%; sang Nhật Bản là 13,3 nghìn tấn, tăng 21,3% so với cùng kỳ năm 2015,...

**4.10. Túi xách, ví, va li, mũ và ô dù:** trong tháng xuất khẩu mặt hàng này đạt 181 triệu USD, giảm 31,3% so với cùng kỳ năm 2015, đưa kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này trong 2 tháng đầu năm đạt gần 458 triệu USD, tăng 13,8% so với 2 tháng /2015.

Hoa Kỳ vẫn là đối tác chính nhập khẩu túi xách, ví, vali mũ và ô dù của Việt Nam với 171 triệu USD, tăng 11,2% so với 2 tháng/2015; tiếp theo là EU với trị giá gần 127 triệu USD, tăng 21,5%...

## **5. Các nhóm mặt hàng nhập khẩu chính**

**5.1. Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện:** trong tháng 2 nhập khẩu là 1,92 tỷ USD giảm 2,4% so với tháng trước, đưa kim ngạch nhập khẩu trong 2 tháng đầu năm đạt 3,9 tỷ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2015.

Trong 2 tháng/2016, Hàn Quốc vẫn tiếp tục là đối tác lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam với trị giá nhập khẩu là hơn 1,2 tỷ USD, tăng 35%; tiếp theo là các thị trường: Trung Quốc với hơn 757 triệu USD, giảm nhẹ 0,2%; Đài Loan: 424 triệu USD, tăng 24,3%... so với 2 tháng/2015.

**5.2. Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng:** trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng 2/2016 là 1,57 tỷ USD, giảm 22,6% so với tháng trước, đưa kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng này trong 2 tháng/2016 đạt 3,71 tỷ USD, giảm 16,6% so với cùng kỳ năm 2015.

Việt Nam nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng chủ yếu có xuất xứ từ các thị trường: Trung Quốc với trị giá là 1,2 tỷ USD, giảm 17,9%; tiếp theo là các thị trường: Hàn Quốc: 716 triệu USD, giảm 23,9%; Nhật Bản: 558 triệu USD, giảm 30,2%; Đài Loan: 196 triệu USD, giảm 8%... so với cùng kỳ năm 2015.

**5.3. Nhóm hàng nguyên, phụ liệu dệt may, da, giày** (gồm bông, xơ, sợi dệt, vải các loại và nguyên phụ liệu dệt may, da giày khác): trong tháng nhập khẩu nhóm hàng này đạt hơn 1 tỷ USD, giảm 27,7% so với tháng trước. Hết tháng 2/2016, kim ngạch nhập khẩu của nhóm hàng nguyên phụ liệu dệt, may, gia dầy đạt 2,42 tỷ USD, giảm nhẹ 0,1% so với cùng kỳ năm 2015.

Trong 2 tháng đầu năm 2016, Việt Nam nhập khẩu nhóm mặt hàng này từ Trung Quốc là hơn 988 triệu USD, giảm 2,5%; Hàn Quốc: 374 triệu USD, giảm 1,8%; Đài Loan: 292 triệu USD, giảm 5,7%...so với 2 tháng/2015./span>

**55.4. Điện thoại các loại và linh kiện:** nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng 2 đạt 764 triệu USD, tăng 2,6% so với tháng trước, nâng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này trong 2 tháng đầu năm đạt 1,5 tỷ USD, giảm 6,6% so với tháng 2 tháng/2015.

Hàn Quốc tiếp tục là thị trường dẫn đầu cung cấp điện thoại các loại & linh kiện cho Việt Nam trong 2 tháng/2016 với trị giá nhập khẩu là 966 triệu USD giảm 22%, tiếp theo là Trung Quốc với hơn 462 triệu USD, tăng 59,9% so với cùng kỳ năm 2015. Tính chung kim ngạch nhập khẩu nhóm mặt hàng này từ 2 thị trường trên chiếm tới gần 95% nhập khẩu nhóm mặt hàng này từ tất cả các thị trường./span>

**55.5. Sắt thép các loại:** lượng nhập khẩu trong tháng 2 đạt 1,35 triệu tấn với trị giá đạt gần 474 triệu USD, giảm 9% về lượng và giảm 14,6% về trị giá so với tháng trước. Trong 2 tháng đầu năm 2016, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này của cả nước đạt 2,84 triệu tấn, tăng 60,5% so với cùng kỳ năm 2015.

Sắt thép các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 2 tháng/2016 từ Trung Quốc là 922,6 nghìn tấn, tăng 37,5%, từ Nhật Bản là 231,7 nghìn tấn, tăng 60% và từ Hàn Quốc là 138 nghìn tấn...

**5.6. Chất dẻo nguyên liệu:** lượng nhập khẩu trong tháng 2/2016 là gần 240 nghìn tấn, trị giá đạt hơn 321 triệu USD, giảm 27,6% về lượng và 27,7% về trị giá so với tháng trước. Lượng nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu trong 2 tháng đầu năm là 576 nghìn tấn với trị giá đạt 774 triệu USD, tăng 18,9% về lượng và giảm nhẹ 0,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2015.

Trong 2 tháng đầu năm 2015, Việt Nam nhập khẩu mặt hàng này chủ yếu từ các thị trường: Ả rập Xê út đạt hơn 69 nghìn tấn, tăng 49,2%; Hàn Quốc đạt gần 52 nghìn tấn, giảm 10,9%; Đài Loan đạt hơn 45 nghìn tấn, tăng 2,8% so với tháng đầu/ năm 2015.

**55.7. Xăng dầu các loại:** tổng lượng nhập khẩu trong tháng là gần 932 nghìn tấn, tăng 18,2% so với tháng 1/2015, với trị giá đạt gần 294 triệu USD. Do sự sụt giảm về đơn giá nên lượng nhập khẩu xăng dầu các loại trong 2 tháng/2016 là 1,7 triệu tấn, tăng 12,4% so với cùng kỳ năm 2015, nhưng lại giảm 33,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2015.

Xăng dầu các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 2 tháng/2016 có xuất xứ từ: Singapore với gần 836 nghìn tấn, tăng 51,2%; Thái Lan: 206 nghìn tấn, tăng 2%; Trung Quốc với 200 nghìn tấn, giảm 40,8%; Malaixia với 196 nghìn tấn, tăng gấp hơn 10 lần mức nhập khẩu của 2 tháng đầu năm 2015...

**5.8. Kim loại thường khác:** trong tháng 2/2016, lượng nhập khẩu mặt hàng này đạt 108 nghìn tấn với trị giá đạt hơn 278 triệu USD, giảm 28,3% về lượng và 21,9% về trị giá so với tháng 1 trước đó. Tính đến hết tháng 2, cả nước nhập khẩu 261,6 nghìn tấn mặt hàng này, tăng 84,3% so với cùng kỳ năm 2015.

Nhập khẩu kim loại thường trong 2 tháng/2016 từ Trung Quốc là hơn 104 nghìn tấn tăng gấp 3 lần so với 2 tháng/2015, nhập khẩu từ Hàn Quốc là 51,8 nghìn tấn, tăng 25,7% và từ Ôt-xtrây-li-a là 28,8 nghìn tấn, tăng 89,7%,...

**5.9. Sản phẩm chất dẻo:** trong tháng sản phẩm từ chất dẻo nhập khẩu ở mức 277 triệu USD giảm 12% so với tháng trước, đưa kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này của cả nước trong 2 tháng/2016 đạt 594 triệu USD, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước.

Việt Nam nhập khẩu mặt hàng sản phẩm chất dẻo từ Hàn Quốc trong 2 tháng đầu năm 2016 là gần 194 triệu USD, tăng 12,9% so với tháng cùng kỳ năm 2015; Trung Quốc là 182,4 triệu USD, tăng 22,1%; Nhật Bản là 90 triệu USD, giảm 3,6%...

**5.10. Ô tô nguyên chiếc:** trong tháng 2/2016 lượng nhập khẩu mặt hàng này đạt gần 5,7 nghìn chiếc, giảm 3,2% so với tháng trước với trị giá đạt gần 142 triệu USD, giảm 5%. Lượng nhập khẩu ô tô nguyên chiếc các loại trong 2 tháng đầu của năm 2016 có sự sụt giảm cùng kỳ năm 2015, với 11,5 nghìn chiếc, giảm 23,5%.

Ô tô nguyên chiếc các loại nhập khẩu trong tháng 2 chủ yếu có xuất xứ chủ yếu từ Thái Lan với 2,12 nghìn chiếc; lượng nhập khẩu từ Nhật Bản là 0,59 nghìn chiếc; lượng nhập khẩu từ Hàn Quốc là hơn 1 nghìn chiếc.

#### **TỔNG QUAN SỐ LIỆU THỐNG KÊ HẢI QUAN VỀ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ THÁNG 2 NĂM 2016**

Stt		Chỉ tiêu	Số sơ bộ
		(B)	(C)
<b>I</b>		<b>XXuất khẩu hàng hoá (XK)</b>	
1	I.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá tháng 02/2016 (Triệu USD)	10.099
2	I.2	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu của tháng 02/2016 so với tháng 01/2016 (%)	-24,4
3	II.3	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu của tháng 02/2016 so với tháng 02/2015 (%)	6,3
4	I.4	Tổng kim ngạch xuất khẩu 2 tháng/2016 (Triệu USD)	23.684
5	I.5	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu 2 tháng/2016 so với cùng kỳ năm 2015 (%)	3,0

<b>II</b>		<b>Nhập khẩu hàng hoá (NK)</b>	
6	II.1	Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá tháng 02/2016 (Triệu USD)	10.290
7	II.2	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu của tháng 02/2016 so với tháng 01/2016 (%)	-18,3
8	II.3	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu của tháng 02/2016 so với tháng 02/2015 (%)	0,01
9	II.4	Tổng kim ngạch nhập khẩu 02 tháng/2016 (Triệu USD)	23.008
10	II.5	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu 02 tháng/2016 so với cùng kỳ năm 2015 (%)	-5,7
<b>III</b>		<b>Tổng kim ngạch XNK hàng hoá (XK+NK)</b>	
11	III.1	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá tháng 02/2016 (Triệu USD)	20.389
12	III.2	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu của tháng 02/2016 so với tháng 01/2016 (%)	-21,5
13	III.3	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu của tháng 02/2016 so với tháng 02/2015 (%)	3,0
14	III.4	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 02 tháng/2016 (Triệu USD)	46.692
15	III.5	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu 2 tháng/2016 so với cùng kỳ năm 2015 (%)	-1,5
<b>IV</b>		<b>Cán cân Thương mại hàng hoá (XK-NK)</b>	
16	IV.1	Cán cân thương mại tháng 02/2016 (Triệu USD)	-191
17	IV.2	Cán cân thương mại 02 tháng/2016 (Triệu USD)	676